TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hướng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa
Bà Trần Thị Hiến
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc Như L**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và và ông Nguyễn Ngọc Như L kết hôn năm 2015 tại UBND xã B. Thời gian chung sống, ông bà thường xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Do đó bà yêu cầu ly hôn ông L.

Con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 19/6/2016, bà đồng ý giao cho ông L nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng cho ông L nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Như L:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn năm 2015 tại UBND xã B. Thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại tình cảm của ông bà không thể hàn gắn được nữa. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Con chung: Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T có cấp dưỡng thì ông đồng ý.

Tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Ngọc Như L, địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc Như L kết hôn năm 2015, được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68/2025 ngày 24/8/2015. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn vì vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông L đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2]. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc Như L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 19/6/2016. Ông L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đồng ý, đồng thời cháu Ân cũng có nguyện vọng ở với cha nên giao cho cháu A cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu A. Bà T tự nguyện cấp dưỡng cho ông L nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà T và ông L không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006720 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc Như L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc Như L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 19/6/2016 đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Kim T cấp dưỡng nuôi cháu Ân mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Ân đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc Như L không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006720 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã B
(GCNKH 68/2015)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng